

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Phượng;

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà Sơn Thị Th, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 14 tháng 3 năm 2022 của ông Trần Tuấn A thể hiện:

Ông Trần Tuấn A và bà Sơn Thị Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2012 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc được một thời gian, vài năm sau thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay ông Tuấn A yêu cầu ly hôn với bà Sơn Thị Th.

Về con chung: Ông Tuấn A và bà Th có 02 người con chung là Trần Thị Anh T, sinh ngày 16/12/2012 và Trần Thị Anh Th, sinh ngày 22/6/2014, hiện nay hai cháu đang sống chung với bà Th. Khi ly hôn ông nhường quyền nuôi con cho bà Th.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Sơn Thị Th:* Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng bà Sơn Thị Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

- *Tại biên bản xác minh ngày 04 tháng 8 năm 2022, con chung Trần Thị Anh T và Trần Thị Anh Th trình bày ý kiến:* Khi cha mẹ ly hôn không còn sống chung với nhau, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ là Sơn Thị Th.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Ông Trần Tuấn A và bà Sơn Thị Th đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Tuấn A, bà Th vắng mặt, ông Tuấn A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Th vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Tuấn A và bà Sơn Thị Th.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử ông Trần Tuấn A được ly hôn với bà Sơn Thị Th. Về con chung: Đề nghị giao con chung Trần Thị Anh T, sinh ngày 16/12/2012 và Trần Thị Anh Th, sinh ngày 22/6/2014 cho bà Sơn Thị Th được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi đến khi con chung Trần Thị Anh T và Trần Thị Anh Th đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Sơn Thị Th không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Tuấn A, bà Th đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông Tuấn A, bà Th vắng mặt, ông Tuấn A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Tuấn A và bà Sơn Thị Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tuấn A và bà Sơn Thị Th tự nguyện kết hôn, được UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 05/01/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Tuấn A và bà Sơn Thị Th là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện ông Tuấn A yêu cầu ly hôn do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Tuấn A và bà Th đã không còn sống chung với nhau từ năm 2014 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông Tuấn A và bà Th đã phát sinh mâu thuẫn và ông bà không còn sống chung với nhau từ năm 2014 đến nay, không hàn gắn được, cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông Tuấn A và bà Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Tuấn A.

[3] Về con chung: Ông Tuấn A và bà Th có 02 người con chung là Trần Thị Anh T, sinh ngày 16/12/2012 và Trần Thị Anh Th, sinh ngày 22/6/2014, hiện hai con đang do bà Th nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông Tuấn A nhường quyền nuôi hai con chung cho bà Th. Con chung Trần Thị Anh T và Trần Thị Anh Th cũng có nguyện vọng sống với mẹ là bà Sơn Thị Th. Do đó, căn cứ theo nguyện vọng của con chung và nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại của con chung, Hội đồng xét xử thống nhất giao hai con chung Trần Thị Anh T và Trần Thị Anh Th cho bà Sơn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chung Trần Thị Anh T và Trần Thị Anh Th.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Tuấn A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều

280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tuấn A đối với bị đơn bà Sơn Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tuấn A được ly hôn với bà Sơn Thị Th.
2. Về con chung: Giao cho bà Sơn Thị Th được quyền trực tiếp nuôi hai con chung Trần Thị Anh T, sinh ngày 16/12/2012 và Trần Thị Anh Th, sinh ngày 22/6/2014 cho đến khi cháu Trần Thị Anh T và Trần Thị Anh Th đủ 18 tuổi. Ông Trần Tuấn A được quyền thăm nom hai con chung Trần Thị Anh T và Trần Thị Anh Th không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Sơn Thị Th không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Tuấn A phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009901 ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Ông Trần Tuấn A đã nộp xong.
6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã T (Theo GCNKH số 185 ngày 05/01/2012;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến